

# Xu hướng biến đổi và sự phát triển mạng lưới xã hội ở tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh mới

Lê Thị Mùi\*, Lê Minh Anh\*\*

Nhận ngày 26 tháng 2 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2023.

**Tóm tắt:** Mạng lưới xã hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống của các tộc người thiểu số (TNTS) tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trước hết, mạng lưới xã hội góp phần đảm bảo thu nhập cho người dân, giúp họ vượt qua những lúc khó khăn, thiếu thốn, ốm đau, bệnh tật; giúp họ trong những thời điểm phải lo toan công việc lớn mà mỗi cá nhân hay gia đình khó đảm đương nổi như ma chay, cưới xin; đảm bảo sự bình yên trong đời sống, giúp giải quyết những vấn đề bức xúc liên quan đến xích mích hay tranh chấp, phòng chống những xâm phạm đối với an ninh trật tự vùng biên. Bài viết này nêu lên một số vấn đề đang đặt ra đối với sự phát triển của mạng lưới xã hội ở TNTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, góp phần vào việc quản lý và phát huy cũng như hạn chế các tiêu cực của mạng lưới xã hội ở TNTS trong phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay.

**Từ khóa:** Mạng lưới xã hội, tộc người thiểu số, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, phát triển kinh tế - xã hội.

**Phân loại ngành:** Dân tộc học

**Abstract:** Social networks play a very important role in the lives of ethnic minorities in the Vietnam-China border region. First of all, social networks contribute to ensuring income for people, helping them to overcome difficult times, deprivation, sickness, and disease; helping them in times of great work that is difficult for an individual or family to handle such as funerals and weddings; ensure peace in life, help solve pressing problems related to friction or disputes, prevent violations to security and order in the border area. This article raises a number of issues facing the development of social networks among ethnic minorities in the Vietnam-China border region, contributing to the management, promotion, and limitation of social networks negative aspects of the social network in ethnic minorities in socio-economic development and development orientation in the context of globalization and integration today.

**Keywords:** Social network, Ethnic minorities, Vietnam - China border region, Socio-economic development.

**Subject classification:** Ethnology

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về mạng lưới được sự quan tâm không chỉ của khoa học xã hội mà còn cả một số ngành của khoa học tự nhiên như vật lý, dịch tễ học, sinh học. Theo Borgatti và cộng sự (Borgatti, S.P., & Halgin, D.S., 2011), mạng lưới là việc thiết lập và liên kết các điểm nút. Còn trong phân tích mạng lưới xã hội, điểm nút chính là các cá nhân hoặc tập thể (gia đình, nhóm, tổ chức, quốc gia...). Kathleen Hardin Williams lại cho rằng, lý thuyết mạng lưới xã hội gắn với lý thuyết xã hội học, tức nhìn xã hội như được các cá nhân thiết lập. Khởi đầu, mạng lưới được xây dựng từ mối quan hệ

---

\* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: lehuongmui@gmail.com

\*\* Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: maanthropology@yahoo.com

giữa các cá nhân (hoặc những bộ phận xã hội rộng lớn hơn), và mô hình xã hội được thiết lập qua mạng lưới của mối quan hệ, hay là sự kết nối của các điểm nút. Trong mạng lưới xã hội, có thể các điểm nút không có mối liên kết với tất cả các nút...

Qua các nghiên cứu thực nghiệm từ những năm 90 thế kỷ XX cho thấy, mạng lưới xã hội ngày càng đóng vai trò to lớn trong phát triển bền vững. Thông qua những quan hệ bạn bè, họ hàng, người thân, người di chuyển tiếp nhận được thông tin và sự trợ giúp cần thiết tại nơi mà họ sẽ chuyển đến. Chính ở đây, các quan hệ lâu bền dựa trên nền tảng gia đình trở nên hết sức quan trọng. Có thể nói, tính bền vững của thiết chế gia đình và các quan hệ tộc họ trong xã hội Việt Nam đã góp phần hình thành mạng lưới di cư sâu rộng giữa các miền lãnh thổ, các khu vực cư trú (Đặng Nguyên Anh, 1998).

Mặc dù sinh sống ở hai quốc gia khác nhau, nhưng các nhóm cư dân ở vùng biên giới này thường có các mối quan hệ họ hàng thân tộc, đồng tộc, thông gia, bạn bè thân hữu hoặc các quan hệ xã hội khác tạo nên. Do đó, biên giới là nơi luôn xuất hiện không gian thứ ba, hay còn gọi là không gian mờ. Điều đó có nghĩa, ngoài không gian thứ nhất và không gian thứ hai - không gian hữu hình trên lãnh thổ có chủ quyền của hai quốc gia, thì việc di chuyển và các hoạt động sinh kế, những mối quan hệ chính trị, xã hội và văn hóa của cư dân hai bên đường biên dựa trên cơ sở thương thuyết về không gian, thương thuyết về thời gian và thương thuyết về tính chủ quan chính trị của cư dân vùng biên với đối tác bên kia biên giới, với các nhà chức trách ở hai bên biên giới, đã tạo nên không gian thứ ba. Không gian này luôn co giãn, tùy theo sự năng động của ba thương thuyết đã nêu, và về cơ bản, sự năng động đó dựa trên lợi ích của người dân, thậm chí có thể xung đột với lợi ích quốc gia (Vương Xuân Tình, 2020).

Vấn đề quan hệ tộc người ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay đã và đang thu hút nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các ngành khoa học, đặc biệt là dân tộc học/nhân học, đề cập đến nhiều khía cạnh: Đặng Thị Hoa (2016), Vũ Trường Giang (2018), Nguyễn Văn Minh (2020), Vương Xuân Tình (2020, 2021); Lý Hành Sơn (2020, 2021); Lê Thị Mùi và Lê Minh Anh (2021); Hoàng Phương Mai (2021); Vũ Đình Mười (2021); Nguyễn Thị Thanh Bình (2022); Trần Hồng Thu (2022); Trần Thị Mai Lan (2022)... Thực tế cho thấy, mạng lưới xã hội của các tộc người ở vùng biên giới luôn chịu những ảnh hưởng của “không gian thứ ba”, vì vậy, bên cạnh sự đa dạng, thường nảy sinh những vấn đề phức tạp, kể cả loại hình và cấu trúc mạng lưới.

Bài viết này bước đầu xem xét nhận diện một số thực trạng quan hệ đồng tộc xuyên biên giới có những tác động tích cực, tiêu cực đối với phát triển mạng lưới xã hội tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trước sự tác động từ nhiều yếu tố như toàn cầu hóa, chính sách của hai nhà nước chung biên giới quốc gia... Nghiên cứu *Xu hướng biến đổi và sự phát triển mạng lưới xã hội ở tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh mới* được thực hiện trên cơ sở một phần tư liệu của đề tài cấp Bộ (2019-2020) về “Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới” do Viện Dân tộc học chủ trì, hai tác giả là đồng chủ nhiệm.

## **2. Xu hướng biến đổi và phát triển của mạng lưới xã hội của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay**

### *2.1. Xu hướng biến đổi và phát triển của phạm vi mạng lưới xã hội*

Qua nghiên cứu của các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc dưới tiếp cận chức năng từ góc nhìn dân tộc học, cho thấy có phạm vi mạng lưới xã hội của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng đã có nhiều biến đổi.

Đối với mạng lưới xã hội (MLXH) của cá nhân ở các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay đang ngày càng mở rộng, phát triển hơn cả về loại hình lẫn cấu trúc so với trước đây. Do ở xa trung tâm xã và huyện, giao thông cách trở; thị trường chưa phát triển; điều kiện giáo dục

khó khăn, nên MLXH của mỗi cá nhân đơn giản, với phạm vi chủ yếu trong thôn bản hay liên thôn bản. Còn hiện nay và thời gian tới, MLXH của cá nhân sẽ mở rộng hơn về lĩnh vực, vượt qua phạm vi làng hay tộc người và quốc gia. Song, sự mở rộng đó phụ thuộc vào vị thế và đặc điểm của từng người. Qua các nghiên cứu khảo sát thực tế ở các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh (2018) và Cao Bằng (2019), Lào Cai, Hà Giang (2021)... cho thấy, có ba nhóm cá nhân mà MLXH của họ mở rộng hơn các thành viên khác: (1) Những người thuộc nhóm cán bộ thôn xóm; (2) Những người có sinh kế ngoài nông nghiệp như giáo viên, cán bộ y tế, những người đi làm thuê ở thị trấn, thị xã, ở Trung Quốc, hoặc làm việc tại những công ty vùng đồng bằng, đô thị; (3) Những người đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học hoặc cấp học cao hơn, do họ mở rộng MLXH ngoài phạm vi làng, tộc người, mà trước hết là với những người cùng lớp, cùng trường.

Ngoài ra, sự biến đổi của phạm vi MLXH biểu hiện rõ rệt nhất là trong mạng lưới lao động xuyên biên giới. Cơ sở của mạng lưới xã hội trong lao động xuyên biên giới của cá nhân có thể dựa trên nhiều yếu tố, có nhiều hoạt động xuyên biên giới, kể từ mua bán hàng hóa, thăm thân, vận chuyển hàng thuê đến lao động làm thuê. Điều này có nghĩa, mỗi cá nhân có thể tham gia nhiều mạng lưới. Qua các nghiên cứu đã công bố của Vương Xuân Tình (2020, 2021), Lê Thị Mùi, Lê Minh Anh (2021ab) và Lý Hành Sơn (2021) về người Lô Lô, người Nùng ở Cao Bằng; về dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn (Vũ Đình Mười, 2021); dân tộc Dáy, Hà Nhi ở Lào Cai (Hoàng Phương Mai, 2021); người Hmông, Tày, Nùng ở Hà Giang (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2022); và đặc biệt, trong một nghiên cứu của Vũ Trường Giang (2018) về *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam* cho thấy các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều có nhiều người đi lao động làm thuê ở Trung Quốc. Để đi làm thuê, điều quan trọng là phải có đối tác. Các đối tác cũng khác nhau: có thể là người thân quen ở Trung Quốc hoặc môi giới tại Việt Nam. Tuy nhiên, với người dân vùng biên, phần lớn đối tác của họ là người thân quen ở Trung Quốc, do có họ hàng, đồng tộc bên đó. Khác với dân các vùng nội biên, ít ai đi làm thuê ở đây phải dựa vào môi giới của Việt Nam, hay có chăng chỉ bước đầu, rồi sau đó họ cũng thiết lập được mạng lưới cho mình và cho người làng. Nếu dựa vào đại diện tổ chức môi giới, họ sẽ mất khoản chi phí giới thiệu việc làm hoặc dịch vụ khác.

Về MLXH của hộ gia đình, cơ bản được dựa trên mạng lưới của cá nhân là chủ hộ cùng những thành viên trong hộ, đặc biệt là những thành viên lớn trong độ tuổi lao động. Bởi vậy, xu hướng biến đổi và phát triển về MLXH của mỗi hộ phụ thuộc vào mạng lưới của các cá nhân đó. Ngoài ra, vị thế của chủ hộ có liên quan đến vị trí trong quan hệ dòng tộc hoặc cha ông họ làm nghề thầy cúng, thầy thuốc mà họ tiếp nối, nên họ kế thừa được di sản của tiền nhân. Tuy nhiên, MLXH dựa trên cơ sở đó thường chỉ trong phạm vi làng và tộc người. Chẳng hạn như trong quan hệ lao động xuyên biên giới, nền tảng của mạng lưới này dựa trên quan hệ của chủ gia đình, hay một thành viên quan trọng của gia đình với đối tác bên kia biên giới. Mỗi quan hệ đó thường là họ hàng, song cũng có thể từ quan hệ của một thành viên, sau đó, các thành viên khác cùng tham gia để trở thành lõi trong MLXH của gia đình. Với trường hợp thứ hai, thường là thành viên đã nêu có quan hệ kết nghĩa anh em hay bạn bè với đối tác ở Trung Quốc, và theo văn hóa của các dân tộc nơi đây, mối quan hệ ấy trở thành quan hệ chung của gia đình người đó.

## 2.2. Xu hướng của mạng lưới xã hội trong sinh kế

Đối với MLXH trong sinh kế, được đề cập đến trong các nghiên cứu đã công bố của các tác giả Vương Xuân Tình (2021), Lý Hành Sơn (2021) và Lê Thị Mùi, Lê Minh Anh (2021b) về người Lô Lô, người Nùng ở Cao Bằng; về dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn (Vũ Đình Mười, 2021); người Hmông, Tày, Nùng ở Hà Giang của Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình (2022)... cho thấy, mạng lưới này đã tồn tại lâu đời ở các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng như các tộc người khác. Trong xã hội nông nghiệp, đây là mạng lưới truyền thống với phương thức liên kết trong sản xuất giữa các hộ gia đình và cá nhân. Có nhiều lĩnh vực liên kết sản xuất, nhưng điển hình là

liên kết trong canh tác lúa, kể cả gieo trồng và thu hoạch sản phẩm của cây ngô và một số loại hoa màu. Lối của MLXH trong hoạt động sinh kế chính là các hộ gia đình và trường xóm, trường nhóm. Theo đó, ở một số TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến nay và xu hướng sắp tới vẫn sẽ duy trì và coi trọng MLXH trong việc trợ giúp nhau, đặc biệt là tập quán đổi công.

Đáng lưu ý là từ cơ chế kinh tế thị trường phát triển, mạng lưới sinh kế ở các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam- Trung Quốc không còn giới hạn trong lĩnh vực canh tác nông nghiệp, mà phát triển cả sang lĩnh vực phi nông nghiệp. Trong đó, phổ biến là việc đi làm thuê ở Trung Quốc và vận chuyển hàng xuyên biên giới, nhờ đó đã tạo ra nhiều mạng lưới mới ngày càng phức tạp hơn về cấu trúc, như đã trình bày ở phần trên. Không kể mạng lưới cộng đồng trong vận chuyển hàng lậu qua biên giới. Mạng lưới lao động xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã có từ lâu, nhất là trong cộng đồng tộc người Tày, Nùng, Hmông, Dao... Song, mạng lưới ấy trước đây chỉ ở phạm vi làng bản, không có sự tham gia của đối tác khác, bởi mối quan hệ này chỉ là trợ giúp nhau. Hiện nay, mạng lưới lao động xuyên biên giới của gia đình, dòng họ không chỉ trợ giúp mà còn là hoạt động sinh kế mới, với sự tham gia của nhiều tác nhân. Thời gian tới, mạng lưới này thậm chí sẽ vượt ra ngoài quốc gia, có thể trở thành vấn đề khu vực trên một số lĩnh vực thông qua hệ thống thông tin truyền thông tiên tiến, đặc biệt là mạng Internet, Facebook.

Nếu làm thuê ở Trung Quốc, họ cũng thường có đối tác ở đó và khi có việc, đối tác thông tin cho họ biết để huy động nguồn nhân lực. Ngoài ra, mạng lưới xã hội trong sinh kế còn phát triển ở nhiều lĩnh vực khác, ví dụ như nhóm vay vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội, song mạng lưới này là do tác động chính sách của nhà nước. Vì vậy, điều chỉnh sự xuất hiện, xu hướng biến đổi và phát triển các loại hình mạng lưới xã hội trong hoạt động sinh kế của đồng bào bằng chính sách của nhà nước cũng rất quan trọng, đặc biệt là nếu chính sách đó lại phù hợp với địa phương.

Bên cạnh đó, nếu chiếu theo mục đích sinh kế là thu nhập thì, ngoài chiều hướng tích cực đối với những MLXH của cá nhân, gia đình hoặc cộng đồng vừa nêu ở trên, cũng có những MLXH của cá nhân, vài cá nhân, nhóm... tuy có mục đích thu nhập, nhưng dưới dạng làm ăn phi pháp, thậm chí bất chấp an ninh trật tự xã hội trong cộng đồng thôn xóm và vùng biên. Đó là các loại MLXH trong xuất nhập hàng hóa trái phép nhằm trốn thuế, xuất nhập hàng lậu và kém chất lượng cũng như tài nguyên của đất nước, kể cả mạng lưới trong buôn bán hàng hóa lậu, MLXH của các tội phạm buôn bán các chất ma túy hoặc phụ nữ và trẻ em... Với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, lịch sử và văn hóa tộc người và những tác động tiêu cực từ phía biên giới của Trung Quốc tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung cùng với xu hướng ngày càng gia tăng các loại hình mạng lưới trong hoạt động sinh kế phi nông nghiệp nói riêng, có thể khẳng định rằng, thời gian tới các loại MLXH mang tính tiêu cực trong sinh kế của các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại khu vực vùng cao biên giới thuộc các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh vẫn sẽ còn tồn tại. Các loại MLXH trong hoạt động sinh kế mang tính tiêu cực này thậm chí còn được tăng cường và diễn biến phức tạp hơn, nếu các loại hình MLXH trong đảm bảo an ninh trật tự xã hội tại các thôn xóm của tộc người và ở khu vực vùng biên không được giữ vững và hoạt động kém hiệu quả.

### *2.3. Xu hướng của mạng lưới xã hội trong đảm bảo an ninh xã hội vùng biên*

Trong bối cảnh gia tăng các loại hình MLXH trong các hình thức sinh kế phi nông nghiệp, nhất là những mạng lưới liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới hoạt động tiêu cực, bất chấp pháp luật và gây mất an ninh trật tự xã hội ở thôn xóm và vùng biên. Bên cạnh đó, MLXH của đại diện lãnh đạo thôn xóm với đại diện chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng đóng trên địa bàn như biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong đảm bảo an ninh trật tự xã hội ở các thôn xóm biên giới và vùng biên cũng sẽ được củng cố và phát huy có hiệu quả hơn trên cơ sở thực thi một số cơ chế pháp lý mới được ban hành, mà điển hình là Luật Biên phòng (xem thêm: Nguyễn Trọng Kiên (2013).

Mỗi MLXH của các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong việc đảm bảo trật tự xã hội ở vùng biên đều có sự tương đồng những yếu tố cơ bản về cấu trúc. Tuy nhiên, so với các mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế, cấu trúc của bất kể MLXH nào ở các TNTS trong đảm bảo an ninh biên giới đều phức tạp, do hình thành trên nền tảng của các mối quan hệ đa chiều, đa đối tượng, đa tầng, đa cấp độ về thời gian. Có những mối quan hệ được duy trì từ rất lâu, thậm chí kéo dài qua thế hệ cha mẹ, con cháu, chẳng hạn như các mối quan hệ trong gia đình, dòng tộc, thông gia, song cũng có mối quan hệ chỉ diễn ra khi giải quyết xong mục đích đã đặt ra, mà điển hình là quan hệ của một số người dân địa phương với các đối tượng buôn lậu, buôn bán ma túy. Có thể nói, loại hình MLXH này có mạng lưới tương đối ổn định với yêu cầu mở rộng dần về đối tượng tham gia; ngược lại, cũng có mạng lưới không ổn định, thậm chí vừa hình thành đã phải thay đổi về cấu trúc nếu muốn tiếp tục duy trì mục đích của mạng lưới đó.

### **3. Một số vấn đề đặt ra đối với sự phát triển mạng lưới xã hội tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh mới**

#### *3.1. Vấn đề phát huy vai trò tích cực của mạng lưới xã hội của tộc người trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa*

Qua các nghiên cứu cho thấy, để quản lý và phát huy được vai trò của MLXH, cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở và các cơ quan chức năng liên quan ở địa phương, cần có tri thức và sâu sát với thực tế, thấu hiểu và nắm bắt được các loại hình MLXH đang tồn tại với phạm vi, xu hướng động trong cộng đồng hay liên cộng đồng các TNTS; những mạng lưới đó hình thành và phát triển do nhu cầu tự thân của người dân hay sự tác động của bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, tuy cùng một tộc người, nhưng cũng cần thấy những sự khác biệt và tương đồng về các loại hình, cấu trúc MLXH của đồng bào tại những vùng miền khác nhau, giữa khu vực biên giới quốc gia và trong nội địa đất nước. Ngoài ra, cũng cần hiểu và nắm được những yếu tố cơ bản tác động hai mặt đến sự hình thành, biến đổi và phát triển MLXH của tộc người ở địa phương. Đây là những vấn đề đang đặt ra bức thiết đối với các cấp các ngành trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, nếu muốn quản lý và phát huy có hiệu quả các loại hình MLXH, nhất là những loại hình mạng lưới tích cực ở các tộc người trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, nhằm phát triển nhanh và bền vững về kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh về môi trường và trật tự xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong xã hội truyền thống của các tộc người, đặc biệt là TNTS, MLXH hình thành phần lớn do tự phát dựa trên cơ sở thực hành phong tục tập quán tộc người và những quy định, quy ước của mỗi cộng đồng cư trú, nhằm phục vụ cho các hoạt động sinh kế, tương trợ, đảm bảo an ninh, chăm sóc sức khỏe và một số nhu cầu khác. Cấu trúc của mạng lưới này thể hiện ở chỗ, hạt nhân của mạng lưới thường là cá nhân và hộ gia đình, và thuộc loại mạng lưới khép kín của một nhóm cá nhân hay nhóm hộ gia đình; hoặc cá nhân với nhóm hộ gia đình. Trước kia, ngoài loại hình mạng lưới đã nêu, ở nhiều tộc người còn xuất hiện phổ biến các loại hội khác như hội đồng niên, hội làm nhà, hội chôn trâu. Mỗi hội này thực chất cũng là một MLXH, mà các điểm nút là cá nhân hay hộ gia đình, trong mối quan hệ, tương tác, cũng có tính khép kín. Nhìn chung, các MLXH truyền thống của các TNTS trong trồng trọt, tương trợ đều rất bền vững vì tính hữu ích cao, giải quyết được những khó khăn của cá nhân, gia đình và được dựa trên mối quan hệ bền chặt trong mối quan hệ dòng họ, thôn bản.

Dưới tác động của sự nghiệp đổi mới theo cơ chế kinh tế thị trường, của công nghiệp hóa và hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hội nhập, MLXH của cá nhân, gia đình và cộng đồng của các tộc người ở nước ta hiện nay đã trở nên phong phú, phức tạp hơn so với thời kỳ kinh tế bao cấp. Đến nay, MLXH ở các TNTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc vẫn có vai trò lớn trong hoạt động sinh kế, trong tương trợ, bảo vệ an ninh trật tự và chăm sóc sức khỏe. Các mạng lưới này vừa kế thừa loại hình, cấu trúc truyền thống, vừa có yếu tố mới phù hợp bối cảnh mới. Đó là, đã xuất hiện mạng

lưới làm thuê xuyên biên giới, mạng lưới vận chuyển hàng hóa bất hợp pháp xuyên biên giới. Trong cấu trúc một số mạng lưới này, không chỉ gồm hạt nhân là cá nhân, hộ gia đình mà còn cả tổ chức, như mạng lưới đổi công hay tương trợ trong đám tang, làm nhà, trong vay vốn, trong vận chuyển hàng lậu xuyên biên giới của các TNTS vùng biên này.

Như vậy, MLXH của các tộc người tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay đã phát triển và phong phú hơn trước đây. Nhà nước có vai trò ngày càng mạnh hơn trong sự hình thành nhiều mạng lưới. Tuy nhiên, chỉ có một số mạng lưới có tính bền vững cao, như mạng lưới đổi công trong canh tác lúa, mạng lưới tương trợ trong đám tang. Sự bền vững của những mạng lưới này là do dựa trên mối quan hệ gia đình, dòng họ, láng giềng và đáp ứng nhu cầu thiết thực. Một số mạng lưới chỉ ra đời có tính thời đoạn và ít bền vững, như mạng lưới làm thuê xuyên biên giới, mạng lưới vận chuyển hàng lậu xuyên biên giới, mạng lưới vay vốn. Sự thiếu bền vững của những mạng lưới đó là do bối cảnh công việc, và chủ yếu gắn kết bằng lợi ích. Lại có mạng lưới chuyển dịch mục đích, như mạng lưới tổ tự quản; song khi chuyển dịch mục đích, mạng lưới này bền vững hơn, hiệu quả hơn trong mục đích đảm bảo an ninh trật tự. Tại một số tộc người vùng biên này, tình trạng nghiện ma túy của thanh niên rất phổ biến, song mạng lưới tổ tự quản không có nhiều tác động tích cực trong đấu tranh với hiện tượng này. Rõ ràng, vấn đề này cũng đang đặt ra rất bức thiết đối với việc quản lý và phát huy MLXH của tộc người trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

### *3.2. Vấn đề hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của mạng lưới xã hội ở tộc người thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới*

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là khu vực phát triển năng động trong ba vùng biên giới của Việt Nam, song cũng có nhiều vấn đề phức tạp đối với phát triển và đặc biệt là vấn đề quốc phòng, an ninh. Sự phức tạp ấy có căn nguyên lịch sử, mà trực tiếp là di chứng của cuộc chiến tranh biên giới năm 1979; ngoài ra, còn có những yếu tố tác động của Trung Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Với lợi ích từ các chính sách như: “Đại khai phá miền Tây”, “Hưng biên phú dân”, “Một vành đai một con đường”... của Trung Quốc, các khu vực biên giới sinh sống của các TNTS phía Trung Quốc dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển trên nhiều lĩnh vực và có tác động hai mặt không chỉ đối với Việt Nam mà còn với các nước trong khu vực. Đáng lưu ý là trên vùng biên giới này tiếp giáp với miền núi phía bắc Việt Nam, có sự liên quan đến ba khu/châu tự trị dân tộc của Trung Quốc, là khu tự trị dân tộc Choang ở tỉnh Quảng Tây; Châu tự trị Choang, Miêu Văn Sơn và khu tự trị dân tộc Di thuộc tỉnh Vân Nam. Dân tộc Choang thuộc nhóm ngôn ngữ Thái, có quan hệ gần gũi về lịch sử và ngôn ngữ với 12 tộc người ở Việt Nam - những tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái Kadai, gồm Tày, Thái, Nùng, Sán Chay, Giáy, Lào, Lự, Bô Y, La Chí, La Ha, Cơ Lao, Pu Péo. Tương tự, người Miêu ở Trung Quốc có mối quan hệ với các tộc người nhóm ngôn ngữ Hmông-Dao (Hmông, Dao, Pà Thẻn), và người Di - với các tộc người nói ngôn ngữ Tạng-Miến (Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La) ở Việt Nam.

Tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc của Việt Nam, trong nhiều năm qua đã bị tác động từ kinh tế, xã hội và văn hóa của Trung Quốc, mà trực tiếp là từ hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam, trong đó có ba khu/châu tự trị dân tộc đã nêu trên. Ở các tỉnh này, tình trạng di dân lao động trái phép sang Trung Quốc theo mùa vụ rất phổ biến. Người dân, đặc biệt ở các huyện, xã biên giới thường sang Trung Quốc làm thuê - chủ yếu làm nông nghiệp trong các trang trại thuộc khu vực vùng biên, thậm chí cả ở nội địa, cách biên giới hàng trăm km. Ngoài làm thuê, nhiều tộc người ở vùng biên giới của nước ta còn hợp tác kinh doanh với doanh nhân ở Trung Quốc, song chủ yếu làm đại lý trong buôn bán với họ, hoặc là cơ sở cung cấp nguyên vật liệu cho họ. Về lĩnh vực xã hội, hôn nhân xuyên biên giới, trong đó hầu hết là nữ TNTS của Việt Nam lấy nam giới là đồng tộc ở Trung Quốc cũng phổ biến ở nhiều tộc người như Tày, Nùng, Dao, Hmông, Hà Nhì, Lô Lô (Vương Xuân Tình, chủ biên, 2020).

Theo đó, các loại hình MLXH của các tộc người ở vùng biên giới trong bối cảnh nêu trên đều có những ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh ở vùng biên giới. Di dân lao động và vận chuyển hàng lậu qua biên giới hầu hết là bất hợp pháp và điều đáng quan ngại là có sự tiếp tay, làm nger của nhiều cán bộ có trách nhiệm ở phía Việt Nam; được sự thông đồng của đối tác hoặc quản lý còn lỏng lẻo ở phía Trung Quốc. Các mạng lưới này nhìn chung đều rất khó kiểm soát. Riêng loại mạng lưới đảm bảo trật tự thông qua tổ tự quản của thôn xóm, có nơi hiệu quả chưa cao. Cụ thể ở một số tộc người, theo báo cáo, chỉ có hơn chục người nghiện, song một thông tin đáng tin cậy vẫn từ cán bộ của thôn là có tới hàng trăm người. Như vậy, một chức năng quan trọng của tổ tự quản là đảm bảo an ninh trong nhóm cư dân của mình chưa được thực hiện thành công. Đây là một vấn đề đang đặt ra đối với việc hạn chế những tiêu cực của MLXH ở tộc người trong sự phát triển mạng lưới xã hội và đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương (xem thêm: Vương Xuân Tình, 2021).

Cùng với những vấn đề nêu trên là việc tồn tại và ngày càng biến đổi theo xu hướng phức tạp, khó kiểm soát các loại mạng lưới xã hội tiêu cực của các cá nhân ở địa phương và nhóm đối tượng cốt cán liên quan tới các vấn đề nóng của an ninh trật tự xã hội vùng biên trong hoạt động buôn bán các chất ma túy xuyên biên giới, đặc biệt là từ phía Trung Quốc vào khu vực biên giới của Việt Nam; buôn bán phụ nữ và trẻ em từ Việt Nam sang Trung Quốc. Rõ ràng, những tiêu cực và bất cập của một số mạng lưới nêu trên cần được nhận diện sâu sắc và có giải pháp thiết thực để kiểm soát và hạn chế ngày càng có hiệu quả hơn.

### *3.3. Vấn đề định hướng phát triển mạng lưới xã hội ở các tộc người trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập*

Mạng lưới xã hội tồn tại ở mọi xã hội và thể chế chính trị, có những tác động cả tích cực và tiêu cực đến đời sống của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng cũng như các mối quan hệ tộc người, đặc biệt là quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc. Qua đó, các MLXH của tộc người cũng sẽ tác động không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thậm chí gây xáo trộn tới sự ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng nếu bị các thế lực thù địch lợi dụng, hoặc có mối liên hệ dưới mọi hình thức với các phần tử hay tổ chức cực đoan nhằm mục đích gây mất đoàn kết nội bộ tộc người hoặc giữa các tộc người để thực hiện âm mưu ly khai. Vì vậy, định hướng phát triển MLXH ở các tộc người trên đất nước ta, nhất là tại các khu vực biên giới quốc gia thuộc đất liền hay biển đảo trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay cũng như thời gian tới, là vấn đề cấp bách cần được tính toán và tập trung chuẩn bị các điều kiện cần thiết với những giải pháp lâu dài nhưng cụ thể và linh hoạt để giải quyết có hiệu quả về vấn đề này.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, vấn đề tộc người nói chung luôn là vấn đề của khu vực và quốc tế, do đó, MLXH của tộc người, đặc biệt là những tộc người có tính đa quốc gia về quốc tịch, địa bàn cư trú, mối quan hệ thân tộc, đồng tộc cũng không còn nằm ở phạm vi nội bộ tộc người hoặc giữa các tộc người trong một nước hay giữa các nước có đường biên giới liền kề, mà là xuyên quốc gia, thậm chí trở thành vấn đề quốc tế nếu bị các thế lực chính trị cực đoan lợi dụng nhằm chống phá thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thay đổi thể chế chính trị trong nước và ly khai. Đối với các TNTS ở nước ta, chỉ riêng khu vực miền núi phía bắc, bao gồm vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các tộc người như Hmông, Dao, Tày, Thái, Hà Nhì, Lô Lô và Nùng ở khu vực biên giới, đặc biệt là tộc người có tính đa quốc gia về địa bàn sinh sống, quan hệ tộc người xuyên biên giới. Do đó, MLXH trong các mối quan hệ tộc người hiện nay và thời gian tới của đồng bào luôn chịu sự tác động từ rất nhiều yếu tố ở trong nước, ngoài nước, kể cả những đặc điểm lịch sử và văn hóa của mỗi tộc người.

Như vậy, MLXH trong các mối quan hệ tộc người ở nước ta hiện nay và thời gian tới luôn chịu sự tác động từ rất nhiều yếu tố, đặc biệt là đối với các tộc người sinh sống tại các khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng đang đặt ra không ít vấn đề đối với việc quản lý và tạo ra những yếu tố tác động tích cực, bao gồm chính sách dân tộc của nhà nước, đảm bảo sự đoàn kết trong nội bộ

tộc người, quản lý và hạn chế có hiệu quả những tác động tiêu cực từ ngoài nước. Nếu giải quyết tốt những vấn đề này sẽ góp phần làm xuất hiện, duy trì ổn định nhiều loại hình MLXH mới tác động tích cực tới phát triển tộc người, đồng thời phát huy được các loại MLXH truyền thống của tộc người, và còn có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

Đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển cơ sở cho MLXH trên khắp vùng miền đất nước và ở tất cả các tộc người. Điển hình là việc phát triển vượt bậc về công nghệ thông tin - truyền thông, phủ sóng điện thoại ở khắp mọi nơi của đất nước, kể cả nơi vùng sâu vùng xa, biên giới và hải đảo. Đây là điều kiện quan trọng và cũng là cơ hội lớn để các TNTS ở nước ta, đặc biệt đối với các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có được những bước phát triển đột phá về việc sử dụng các phương tiện cho kết nối mạng xã hội hiện đại như Internet, Zalo, Facebook... Bên cạnh đó, việc Nhà nước trong những năm gần đây tăng cường đầu tư phát triển mạnh mẽ hệ thống cơ sở hạ tầng và các phương tiện giao thông tại các khu vực miền núi và biên giới đã mang lại điều kiện rất thuận lợi cho người dân các tộc người trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, trao đổi buôn bán...

#### 4. Kết luận

Mạng lưới xã hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống của các TNTS tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Xu hướng chung là ở mỗi địa phương hay cộng đồng, có thể có những MLXH sẽ mất đi như mạng lưới đối công trong canh tác lúa..., song lại có những mạng lưới mới hình thành, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế thị trường. Đồng thời, có những mạng lưới sẽ tồn tại lâu dài, như các mạng lưới tương trợ trong tang ma, trong đảm bảo an ninh trật tự, bởi khó có thể dùng các dịch vụ khác thay thế. Bên cạnh những điểm tích cực, một số mạng lưới xã hội cũng gây nên các mặt tiêu cực ở vùng biên giới, mà điển hình là MLXH trong lao động xuyên biên giới, vận chuyển hàng lậu hàng kém chất lượng qua biên giới, buôn bán ma túy và phụ nữ, trẻ em. Trong bối cảnh gia tăng quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, bất cứ sự kiện tích cực hay tiêu cực diễn ra trong khu vực và trên thế giới với những mức độ khác nhau đều tác động trực tiếp hay gián tiếp đến tình hình ở mỗi tộc người tại mỗi địa phương thuộc vùng miền nước ta nói chung và vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói riêng (Nguyễn Văn Minh, 2020).

Trước tình hình đó, cần phải có những kiến nghị và giải pháp được đưa ra để giải quyết những vấn đề liên quan tới việc phát triển, phát huy vai trò tích cực và hạn chế những tiêu cực của MLXH, nhất là mạng lưới cá nhân và hộ gia đình, trong phát triển kinh tế, xã hội các TNTS ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh mới hiện nay.

*Một là*, cần tiếp tục tạo ra những điều kiện ngày càng tốt hơn về cơ sở hạ tầng cho việc thiết lập và thúc đẩy sự phát triển sâu rộng các loại hình MLXH tích cực của các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong các hoạt động kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

*Hai là*, cần xây dựng và phát triển MLXH trong lao động xuyên biên giới hợp pháp. Nhu cầu kiếm việc làm, tăng thu nhập của người dân vùng biên là chính đáng và ngày càng cao; trong khi, nhu cầu sử dụng lao động từ phía Trung Quốc luôn sẵn có.

*Ba là*, tăng cường và mở rộng MLXH trong đảm bảo an ninh trật tự của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc để góp phần giảm thiểu các hoạt động bất hợp pháp xuyên biên giới, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn ma túy và các vấn đề liên quan tới buôn bán ma túy, phụ nữ và trẻ em...

#### Tài liệu tham khảo

- Borgatti, S.P., & Halgin, D.S. (2011). On Network Theory. *Journal of Organization Science*. Vol. 22.  
 Đặng Nguyên Anh. (1998). Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư. *Xã hội học*. Số 2 (62).  
 Đặng Thị Hoa. (2016). Một số vấn đề về hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Thông tin Khoa học xã hội*. Số 10.



Hoàng Phương Mai. (2021). Một số vấn đề về quan hệ xuyên biên giới của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. *Dân tộc học*. Số 4.

Lê Thị Mùi, Lê Minh Anh. (2021a). Mạng lưới xã hội của người Lô Lô và Nùng trong việc đảm bảo an ninh, trật tự xã hội vùng biên giới tỉnh Cao Bằng. *Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 12.

Lê Thị Mùi, Lê Minh Anh. (2021b). Mạng lưới xã hội của người Nùng ở huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng hiện nay. *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*. Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học quốc gia năm 2020. Nxb. Khoa học xã hội.

Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình. (2022). Đòi nét về sự đa dạng sinh kế của một số tộc người ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang. *Dân tộc học*. Số 2.

Lý Hành Sơn. (2021). Mạng lưới xã hội trong sinh kế mới của người Lô Lô và người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng. *Dân tộc học*. Số 1.

Nguyễn Ngọc Thanh. (2020). Bản của người Tày vùng Đông Bắc. *Dân tộc học*. Số 4.

Nguyễn Thanh Bình. (2022). Ý thức quốc gia - dân tộc qua nhận thức về lãnh thổ Việt Nam của một số tộc người vùng biên giới tỉnh Hà Giang. *Dân tộc học*. Số 3.

Nguyễn Trọng Kiên. (2013). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng tại khu kinh tế cửa khẩu các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Khoa học Giáo dục biên phòng*. Số 34.

Nguyễn Văn Minh. (2020). Vấn đề và định hướng nghiên cứu về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam hiện nay. *Một số vấn đề tộc người trong xây dựng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay (Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc gia năm 2019)*. Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Quang Thuyên. (2013). Một số vấn đề đặt ra khi tổ chức triển khai thỏa thuận hợp tác biên phòng và điều lệ công tác Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. *Khoa học Giáo dục biên phòng*. Số 34.

Pannier, E. (2008). Phân tích mạng lưới xã hội: Các lý thuyết, khái niệm và phương pháp nghiên cứu. *Xã hội học*. Số 4 (104).

Phạm Văn Trường. (2013). Một số giải pháp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia của bộ đội biên phòng trước sự tác động mạnh mẽ của biên giới mềm. *Khoa học Giáo dục biên phòng*. Số 34.

Rowson, J. et al. (2010). *Connected Communities: How Social Networks Power and Sustain the Big Society*. Royal Society for the Encouragement of Arts, Manufactures and Commerce (RSA) Projects. London. UK.

Trần Hồng Thu. (2022). Sự tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai. *Dân tộc học*. Số 4.

Trần Thị Mai Lan. (2022). Tác động của việc đóng cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc tới đời sống của người Nùng và người Hmông ở khu vực giáp biên tỉnh Cao Bằng. *Dân tộc học*. Số 3.

Vũ Đình Mười. (2021). Một số vấn đề trong nghiên cứu về sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam. *Dân tộc học*. Số 5.

Vũ Trường Giang. (Chủ biên - 2018). *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*. Nxb. Lý luận chính trị.

Vương Xuân Tình. (2019). Nghiên cứu về mạng lưới xã hội trên thế giới. *Dân tộc học*. Số 2.

Vương Xuân Tình. (2020). Không gian thứ ba và mạng lưới xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Dân tộc học*. Số 5.

Vương Xuân Tình. (Chủ biên - 2020). *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.

Vương Xuân Tình. (2021). Biến đổi về loại hình mạng lưới xã hội của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Dân tộc học*. Số 3.

Williams, K. H. (2005). *Social Networks, Social Capital, and the Use of Information and Communications Technology in Socially Excluded Communities: A Study of Community Groups in Manchester, England*. A Dissertation of Doctor of Philosophy (Information), University of Michigan.